



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cà phê Petec

Ngày 31/12/2024	5,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.8%	1.9%	8.2%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
0.3%
YoY: +/-▼ 0.1%

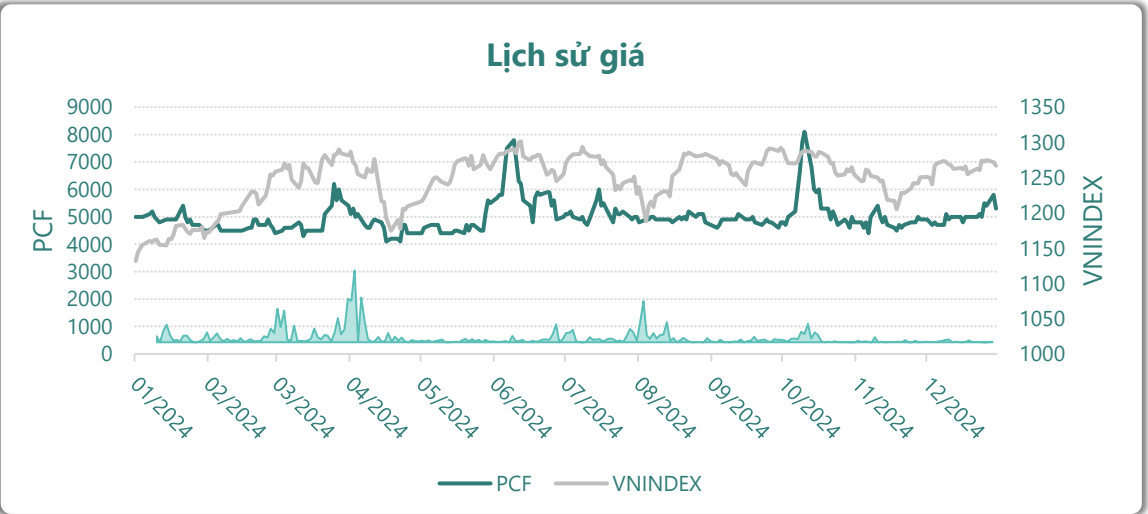
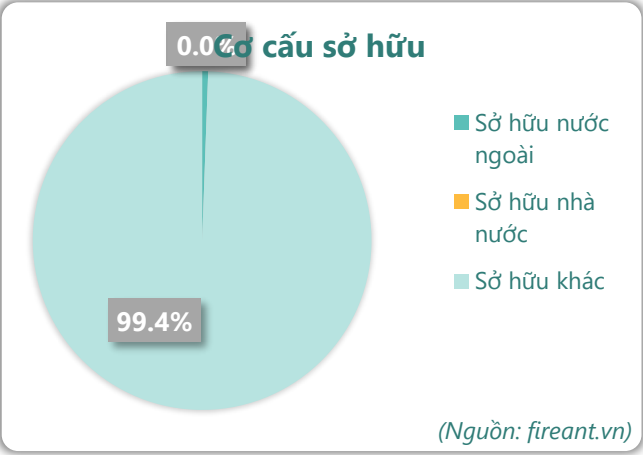
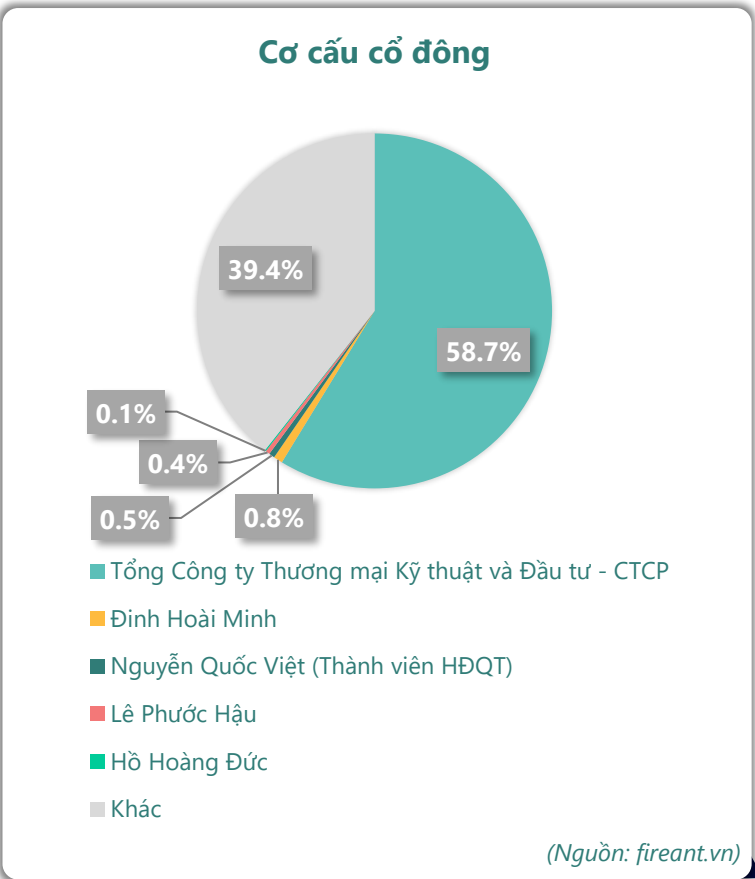
ROE 2024
0.3%
YoY: +/-▼ 0.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,100 - 8,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16
Số lượng CPLH (CP)	3,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,075
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.97
EPS	
P/E	

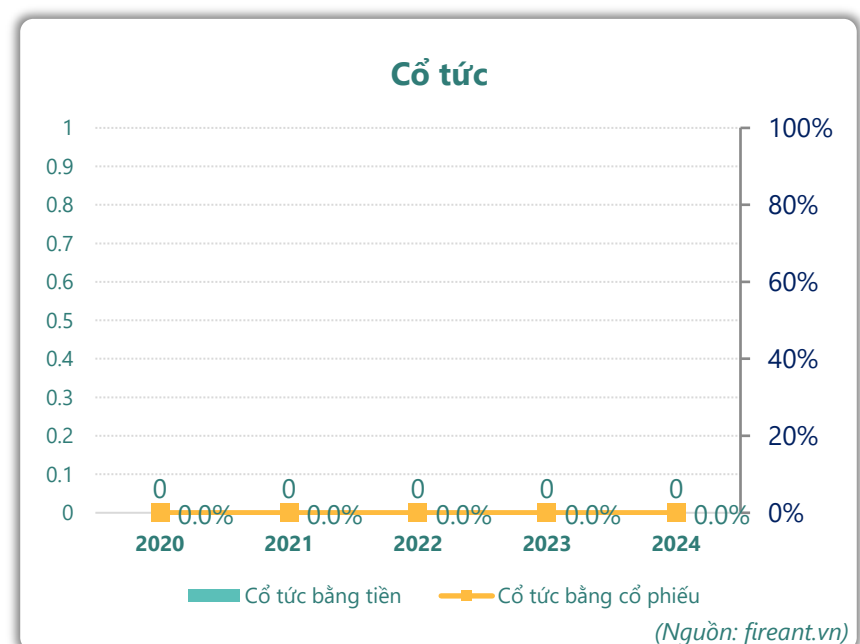
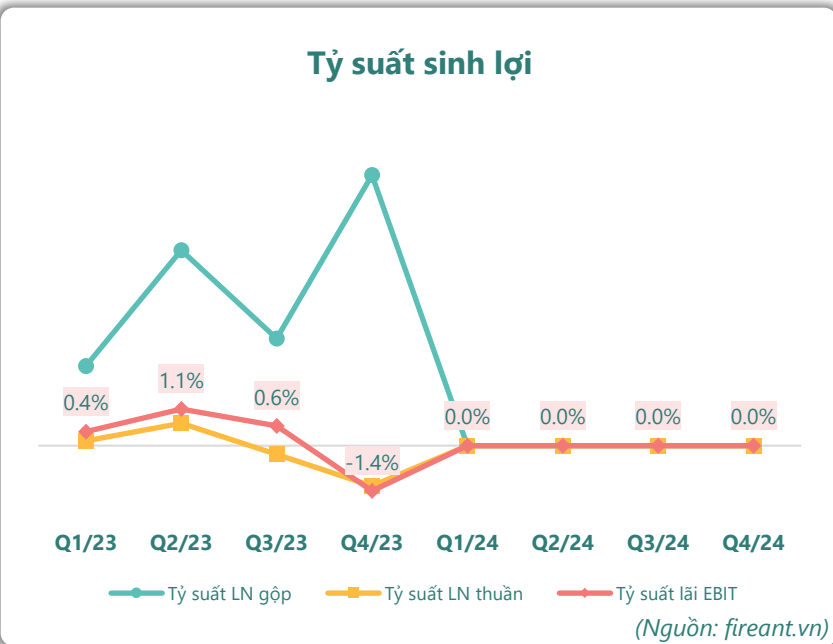
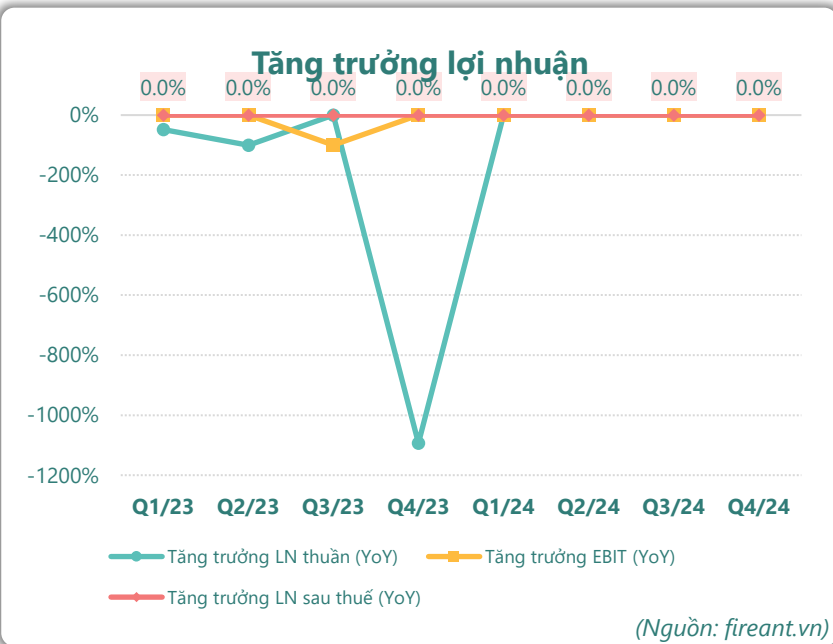
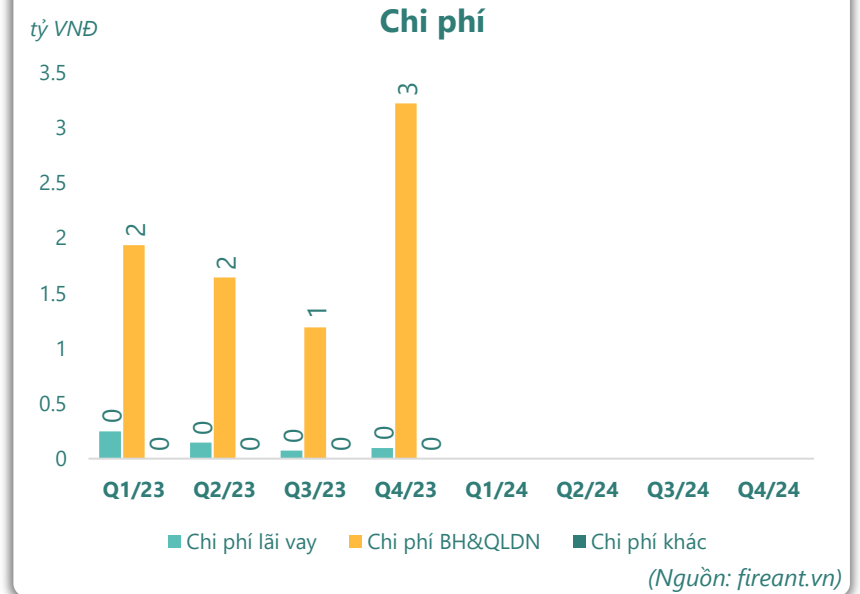
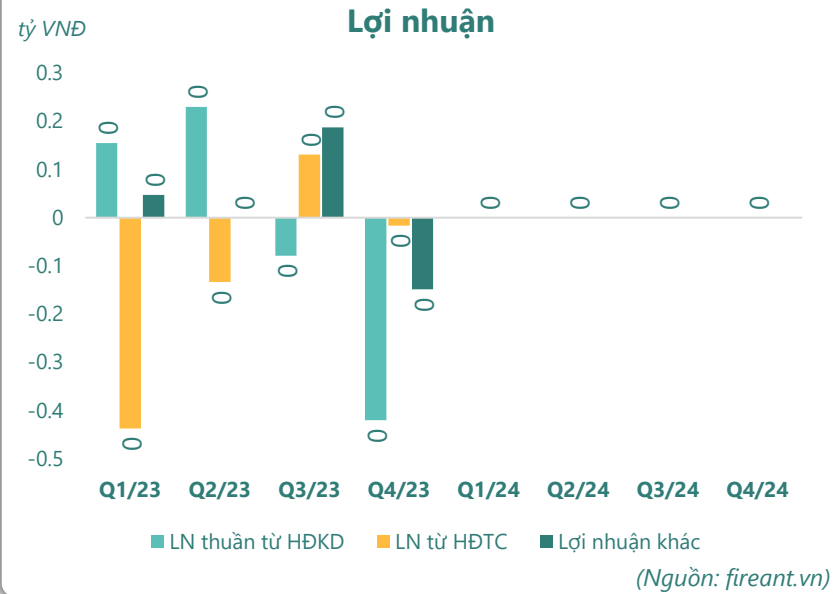
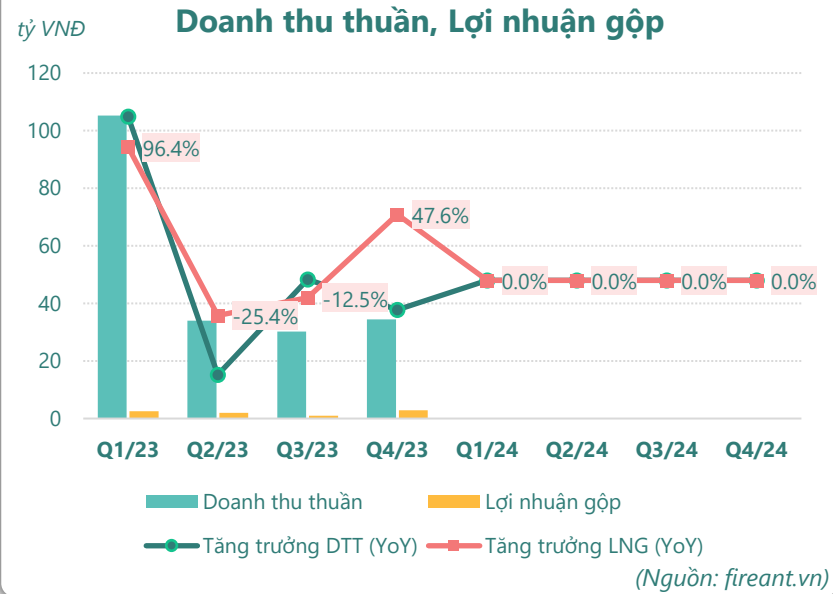
DT thuần 2024
26.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼177 -87.0%

LN thuần 2024
0.11
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.01 -5.6%

LN sau thuế 2024
0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.15 -70.8%



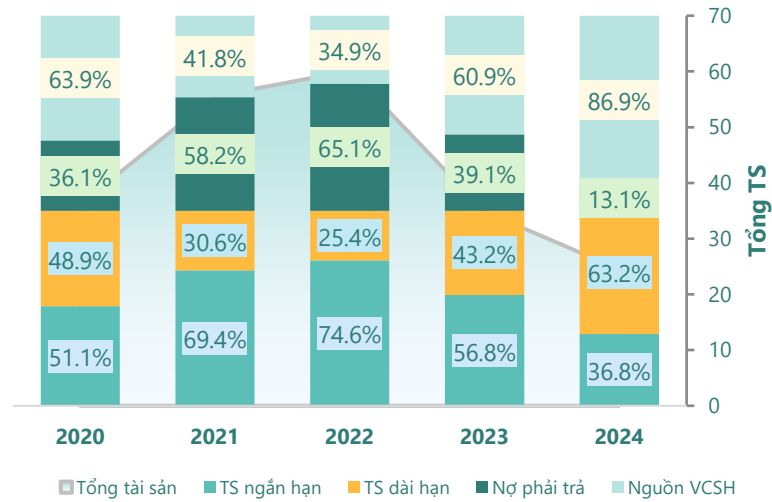
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

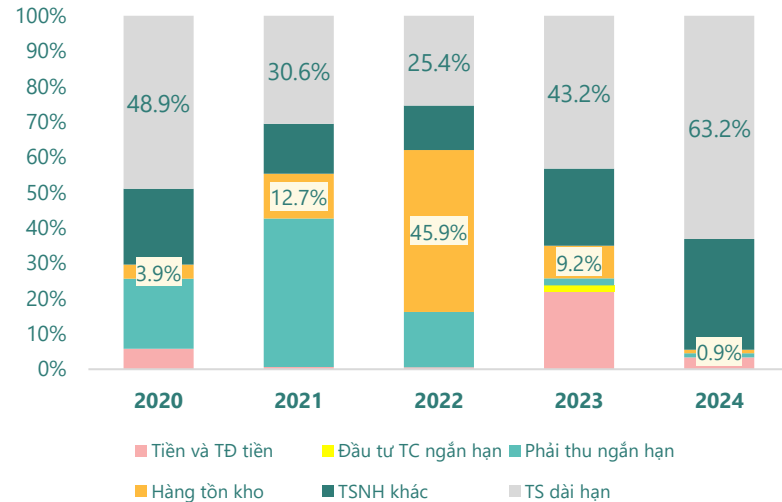
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

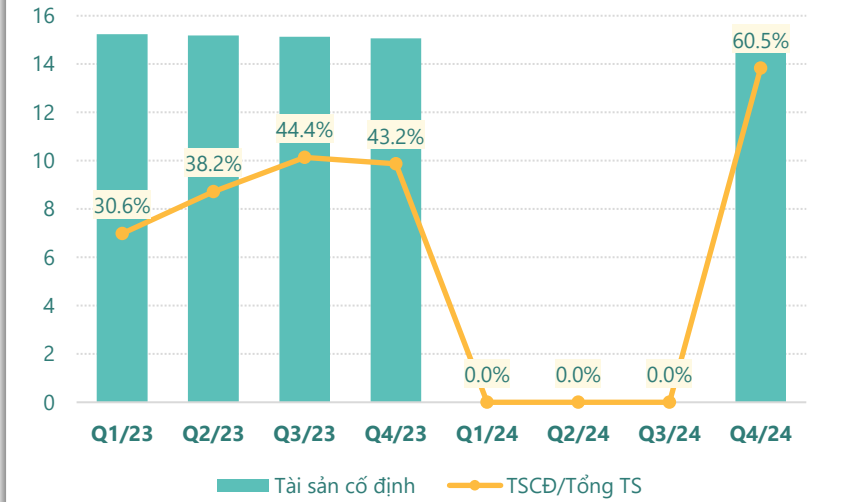
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

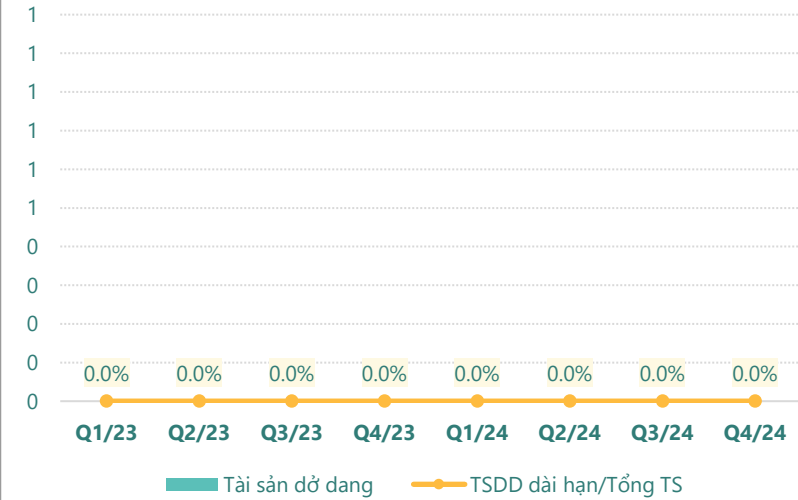
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

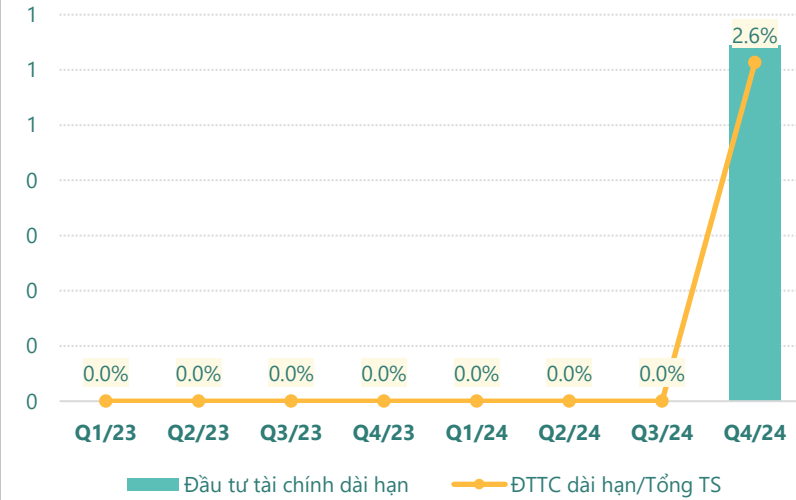
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

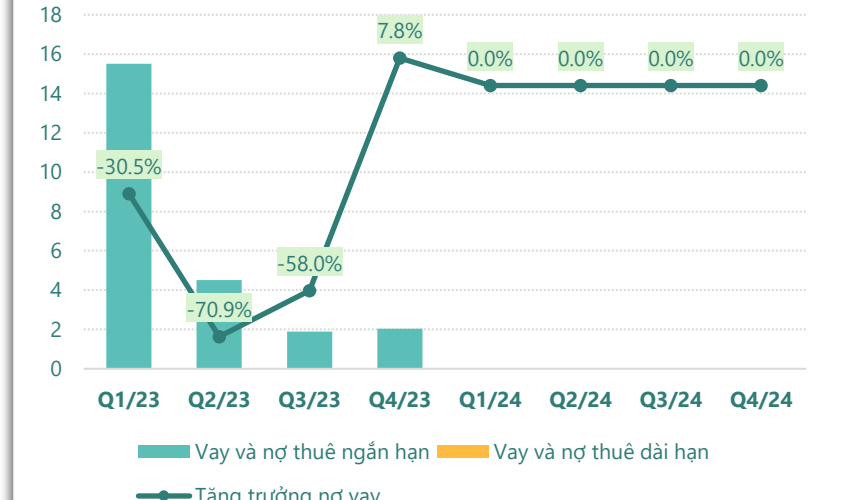
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

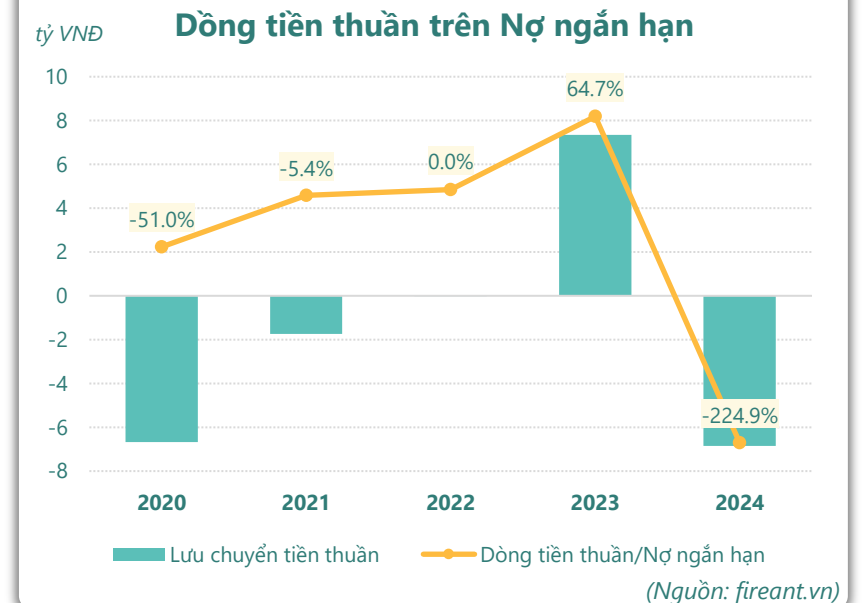
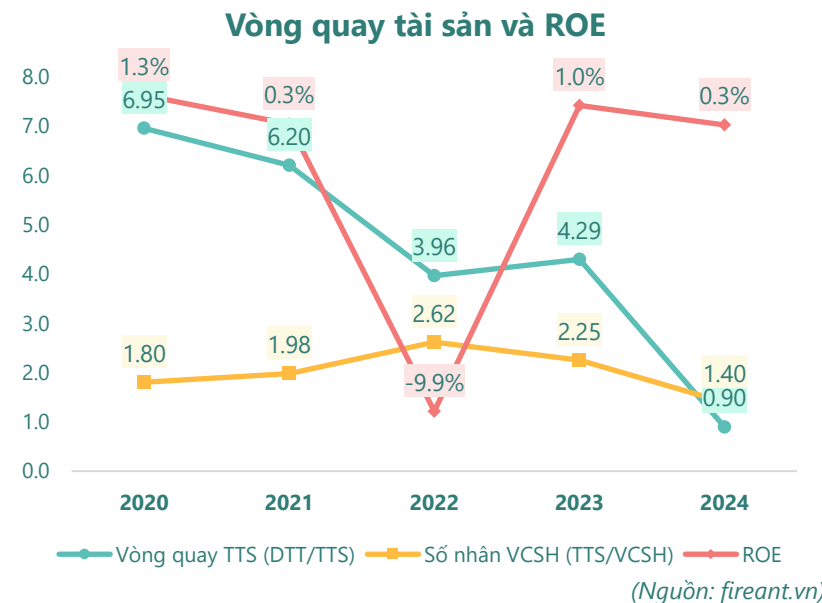
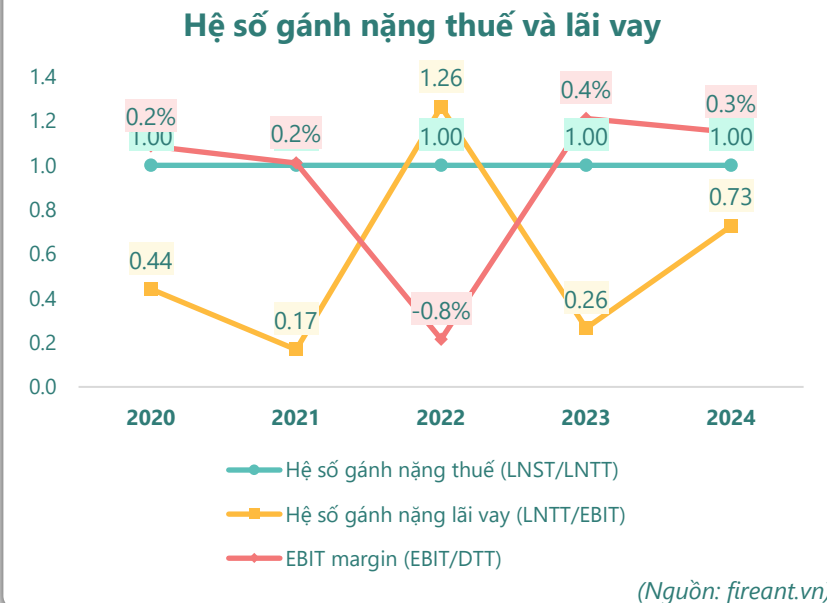
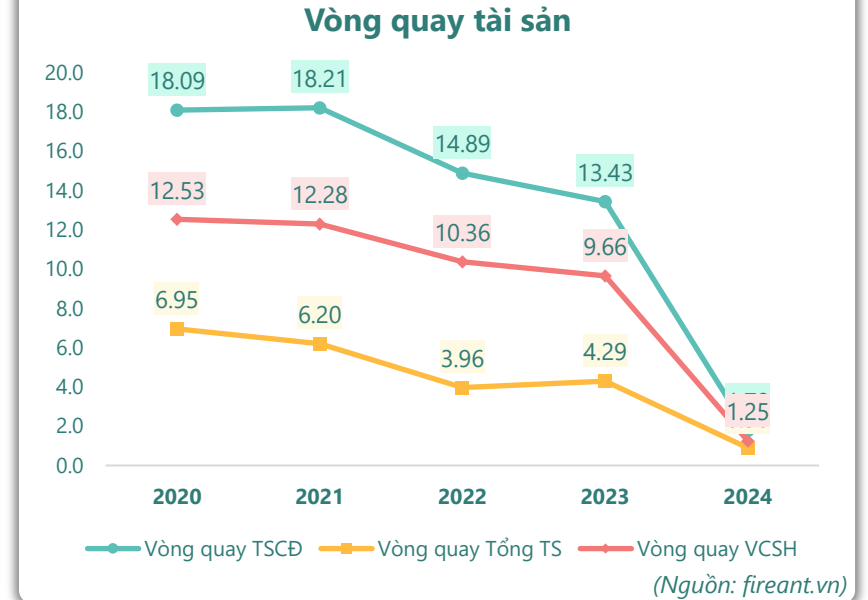
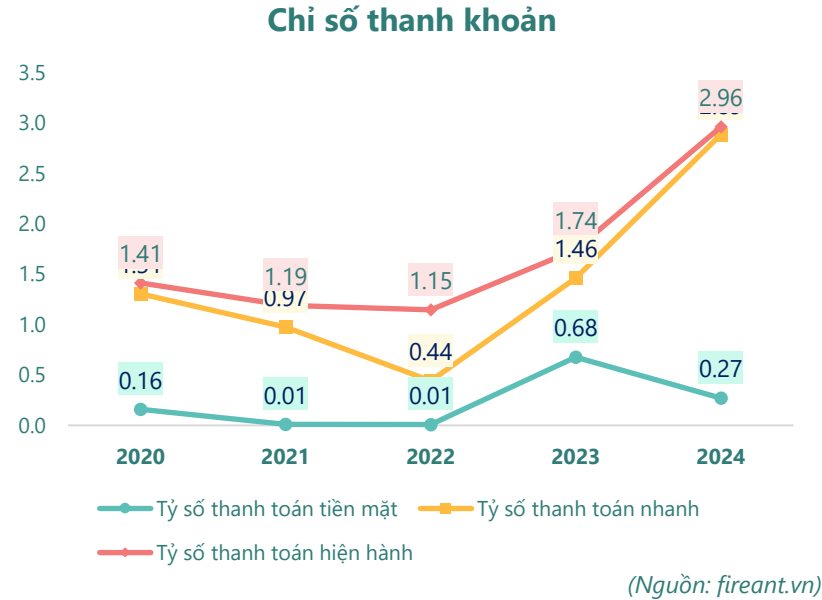
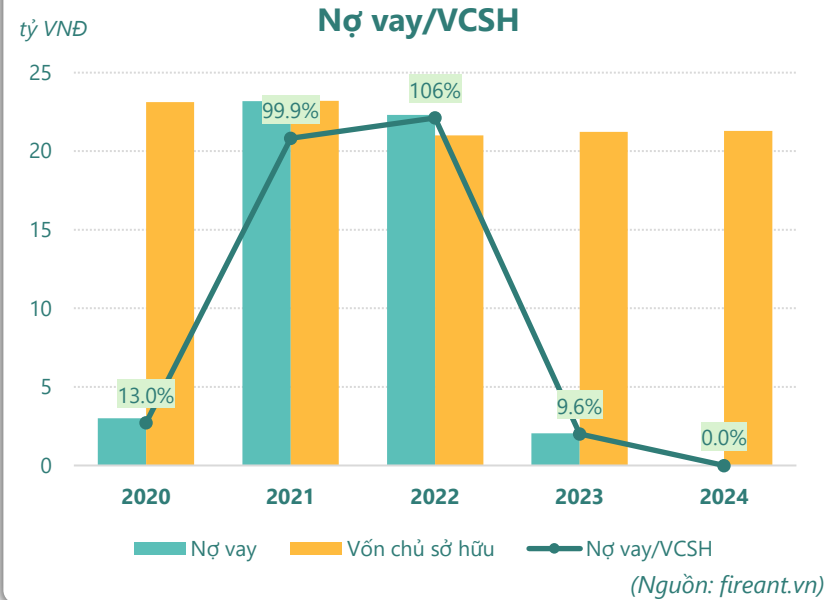
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần		34.5		26.6	204	-87.0%
Giá vốn hàng bán		31.6		23.9	196	-87.8%
Lợi nhuận gộp		2.82		2.65	8.35	-68.3%
Doanh thu HĐTC		0.21		0.06	0.96	-93.3%
Chi phí TC		0.23		-0.60	1.20	-150%
Chi phí lãi vay		0.10		0.02	0.58	-96.0%
LN trong công ty LKLD		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng		1.93		1.01	5.04	-79.9%
Chi phí QLDN		1.29		2.19	2.95	-25.9%
LN thuần từ HĐKD		-0.42		0.11	0.12	-5.6%
Lợi nhuận khác		-0.15		-0.05	0.09	-163%
LN trước thuế		-0.57		0.06	0.21	-70.8%
Lợi nhuận sau thuế		-0.57		0.06	0.21	-70.8%
LNST của CĐ cty mẹ		-0.57		0.06	0.21	-70.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.22	0.90	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.26	1.06	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.57	0.15	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.27	6.18	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	2.91	2.11	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.18	8.28	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	24.5	34.9	-29.7%
Tài sản ngắn hạn	9.02	19.8	-54.4%
Tiền và tương đương tiền	0.83	7.68	-89.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.60	-100%
Phải thu ngắn hạn	0.29	0.70	-58.1%
Hàng tồn kho	0.23	3.21	-92.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.68	7.61	0.8%
Tài sản dài hạn	15.5	15.1	2.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.8	15.1	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.64	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.22	13.6	-76.4%
Nợ ngắn hạn	3.05	11.3	-73.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.04	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.04	5.75	-64.6%
Nợ dài hạn	0.17	2.30	-92.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	21.3	21.2	0.3%
Vốn chủ sở hữu	21.3	21.2	0.3%
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

